

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2022/HS-ST
Ngày 01/7/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trúc Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Nghĩa

Ông Trần Minh Chánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lâm Sà Phương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 6 và 01 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 16/2022/TLST-HS, ngày 03 tháng 6 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2022, đối với bị cáo:

Lê Chí T, sinh ngày 13/01/1990, tại Ngã Năm, Sóc Trăng (bị cáo có mặt tại phiên tòa). Nơi cư trú: khóm 7, phường 1, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Minh Tr và bà Dương Thị M; anh, em ruột có 03 người; con có 02 người (sinh năm 2015 và năm 2017); tiền án: không có; tiền sự: không;. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/3/2022 cho đến nay.

- Bị hại: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: khóm B, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Người làm chứng

1. Ông Dương Thị M (Vắng mặt)

Địa chỉ: khóm B, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà Nguyễn Thị T2 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ ngày 14/01/2022 bị cáo Lê Chí T đi từ nhà đến nhà của người bạn tên Phong chơi nhưng Phong không có ở nhà nên bị cáo quay về, khi về đi ngang nhà ông Nguyễn Văn T1 (cùng xóm 7, phường 1), bị cáo Lê Chí T nhìn vào sân nhà ông T1 thì thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave S 110, biển kiểm soát 83E1 – 013.33 của ông T1 đang đậu trong sân có gắn sẵn chìa khóa, bị cáo T nảy sinh ý định trộm lấy chiếc xe trên, nên bị cáo đi vào sân nhà ông T1 dẫn xe ra nổ máy chạy về hướng cầu Chêch Cầm, rồi bị cáo đi đến nhà bà Nguyễn Thị T2 (thuộc ấp Tân Bình, xã Long Bình, thị xã Ngã Năm) gửi xe tại đó và đi kiểm Phong, nhưng không gặp Phong nên bị cáo quay về mượn nón bảo hiểm của bà T2 chạy chiếc xe vừa trộm được lên thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi đến thành phố Hồ Chí Minh bị cáo T lấy bóp trong cốp xe ra kiểm tra thì phát hiện giấy tờ xe cùng số tiền 200.000 đồng, bị cáo T lấy tiền và giữ bóp lại sau đó đem xe cùng với giấy tờ xe đi cầm tại dịch vụ cầm đồ Bà Lành tại 636 Hồng Bàng, Phường 16, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh lấy số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) để tiêu sài cá nhân. Sau khi phát hiện bị mất chiếc xe, cùng ngày 14/01/2022 ông Nguyễn Văn T1 đến trình báo cơ quan Công an. Sau khi tiếp nhận tin báo, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Ngã Năm phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân, Đội KTHS và Công an phường 1 tiến hành khám nghiệm hiện trường, điều tra xác minh làm rõ vụ việc. Đến ngày 15/01/2022 bị cáo T gọi điện thoại về nhà thì được mẹ ruột là bà Dương Thị M cho hay việc T lấy trộm chiếc xe của ông T1 đã bị phát hiện. Nên vào ngày 23/01/2022 bị cáo T đến Công an phường 1 để đầu thú thừa nhận toàn bộ hành vi lấy trộm xe Mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave S 110 BKS 83 E1 – 013.33 của ông T1.

Theo kết luận định giá tài sản số: 03/KL-HĐĐG, ngày 08 tháng 02 năm 2022, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Ngã Năm. Kết luận: Giá trị còn lại của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave S 110, biển kiểm soát 83E1 – 013.33 là: 7.833.000 đồng. Giá trị còn lại của điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A50, màu xanh là: 3.050.000 đồng. Tổng giá trị còn lại của tài sản nêu trên bị mất trộm vào ngày 16/9/2021 và ngày 21/9/2021, số tiền là: 7.550.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 15/CT-VKSNN ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm truy tố bị cáo Lê Chí T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Đồng thời, đề nghị HĐXX xem xét và áp dụng các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự như: Về tình tiết tăng nặng bị cáo T không có. Về tình tiết giảm nhẹ đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Từ đó, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo T; Đề nghị xử phạt bị cáo T từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng;

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Ngoài ra, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định pháp luật.

[2]. Đối với việc vắng mặt của người làm chứng Dương Thị M và bà Nguyễn Thị T2 đã có lời khai làm rõ các tình tiết vụ án, việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự để xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[3]. Tại phiên tòa bị cáo Lê Chí T khai nhận: vào khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 14 tháng 01 năm 2022, bị cáo đi từ nhà đi ngang qua nhà của bị hại T1 thì thấy trước sân nhà của bị hại có một xe mô tô của bị hại T1 có sẵn chìa khóa nên bị cáo nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe trên, bị cáo vào nhà dẫn xe ra nổ máy chạy đi, sau đó mở cốp xe lấy 200.000 đồng rồi chạy xe đến Thành phố Hồ Chí Minh cầm được 4.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân.

Qua định giá tài sản mà bị cáo chiếm đoạt có giá trị 7.833.000 đồng.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Nên Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định: Bị cáo T lén lút chiếm đoạt tài sản chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe wave S 110 biển số 83 E1 – 013.33 của bị hại Nguyễn Văn T1 có giá trị 7.833.000 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về

tài sản của người khác. Do đó, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Lê Chí T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Như vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm truy tố đối với hành vi của bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4]. Tuy nhiên, xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trước khi phạm tội bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và sau khi thực hiện hành vi phạm tội, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo đã khắc phục hậu quả cho bị hại với số tiền 5.000.000 đồng, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có cha tên Lê Minh Trí là liệt sĩ. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại **điểm b, điểm i, điểm s, điểm x** khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cần được xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Do bị cáo có 04 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 54 của Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại được tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên không đặt ra xem xét.

[6]. Xét lời đề nghị của kiểm sát viên về việc áp dụng pháp luật là có căn cứ, về mức hình phạt, mặc dù bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo Điều 65 của Bộ luật hình sự, tuy nhiên tình hình tội phạm về xâm phạm quyền sở hữu ngày càng gia tăng, bị cáo xem thường pháp luật nên nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo thành công dân tốt sau này và Hội đồng xét xử có xem xét xử phạt tù bị cáo dưới mức đề nghị của kiểm sát viên là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi mà bị cáo gây ra.

[7]. Về án phí hình sự sơ thẩm: do bị cáo có cha là liệt sĩ và có đơn xin miễn tiền án phí nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 173; điểm b, i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Chí T.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Chí T phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

1. Xử phạt bị cáo Lê Chí T 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án hoặc bị cáo tự nguyện thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo, bị hại được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (*Được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng (1);
- Phòng KTNV và THA- TAT Sóc Trăng(1);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng(1);
- VKSND thị xã Ngã Năm(1);
- CAND thị xã Ngã Năm(1);
- CQĐT Công an thị xã Ngã Năm(1);
- Các bị cáo(1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).
- Bộ phận lưu trữ (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Trúc Phương